TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – hạnh phúc**

Bản án số: **164**/2019/HSST
Ngày: 30 - 9 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
+ Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Quyên.
+ Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lộc Văn Bậu và ông Doãn Đức Hùng.
- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Duy Mạnh – Thẩm tra viên
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom đưa ra xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 144/2019/TLST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2019/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 8 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nìm Văn B, sinh ngày 10/5/ 1989 tại Bình Thuận. HKTT: Thôn H, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận. Trú tại: Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Hoa. Tôn giáo: không. Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Làm thuê. Con ông Nìm A C, sinh năm 1958 và bà Trần Thị Hoàng N, sinh năm 1954; Có vợ: Lê Thị Hồng L, sinh năm 1988 và 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2018.

Tiền án: Ngày 20/7/2007 bị Tòa án nhân dân Tp. Biên H5, tỉnh Đồng Nai xử phạt 10 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/3/2008, chưa chấp hành phần án phí.

- Tiền sự: Không.
- Nhân thân:

+ Ngày 29/01/2007 bị Tòa án nhân dân Tp. Biên H5, tỉnh Đồng Nai xử phạt 04 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, (khi xét xử bị cáo chưa đủ 18 tuổi)

+ Ngày 26/12/2008 bị Tòa án nhân dân Tp. Biên H5, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm tù giam về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/6/2010, nộp án phí hình sự sơ thẩm ngày 09/4/2009.

+ Ngày 08/9/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1

Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/3/2012, nộp án phí hình sự sơ thẩm ngày 09/4/2009. Bị bắt tạm giam ngày 24/5/2019. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ công an huyện Trảng Bom. (Có mặt).

2. Huỳnh Mạnh S, sinh ngày 19/11/1986 tại Kiên Giang. HKTT: Ấp K, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang. Chỗ ở hiện nay: Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: Lớp 12/12. Nghề nghiệp: Làm thuê. Con ông Huỳnh L, sinh năm 1955 và bà Phạm Thị L, sinh năm 1959. Có vợ: Lý Thị Bích Q, sinh năm 1986 và 01 con sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: chưa. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/5/2019, được tại ngoại ngày 02/6/2019. (Có mặt).

*** Bị hại:**

+ Chị Trần Thị Hoài T1, sinh năm 1996. HKTT: Thôn 1, xã V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Cư trú tại: Số 305 thôn Đ, ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai (Nhà trọ của ông Đặng Văn B). (vắng mặt)

+ Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1973. HKTT và trú tại: Số 692 thôn T, ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

+ Chị Hoàng Phi H1, sinh năm 1995. HKTT và trú tại: Tổ 5, ấp L, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

+ Anh Nguyễn Quang H2, sinh năm 1983. HKTT: Thôn H, xã H, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Hiện trú tại: Thôn T, ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai (Phòng số 6- Nhà trọ ông Lầm A R (C). (Có mặt)

+ Anh Phan Văn B, sinh năm 1985 và chị Nguyễn Thị Khánh H3, sinh năm 1990. Cùng trú tại: Tổ 16, ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

+ Ông Huỳnh L, sinh năm 1955. HKTT: Ấp K, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang. Hiện trú tại: Đường N, thôn T, ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

+ Anh Phạm Văn T2, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Tổ 24, ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nìm Văn B là đối tượng có tiền án về tội trộm cắp tài sản, đi làm thuê và ở trọ cùng vợ, con tại ấp A, xã B, huyện T. Trong khoảng thời gian từ tháng 03 đến tháng 05 năm 2019, Nìm Văn B cùng đồng bọn đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác để bán lấy tiền tiêu xài, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 01 giờ ngày 23/3/2019, B chuẩn bị 01 mỏ lết và đi xe ôm đến khu vực nhà trọ của ông Đặng Văn B ở ấp B, xã B, huyện T để tìm tài sản trộm cắp. Khi đến khu vực nhà trọ B phát hiện tại phòng trọ số 22 của chị Trần Thị Hoài T1 – Sinh năm 1996, trú tại xã V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận khóa cửa và không có người ở nhà. B dùng mỏ lết bẻ khóa đột nhập vào trong phòng trọ lấy trộm 01 máy tính xách tay hiệu HP màu đen rồi đem về phòng trọ của B

cất giấu. Đến khoảng 09 giờ sáng cùng ngày, B đem máy tính xách tay hiệu HP màu đen lấy trộm được đến cửa hàng máy tính "T" ở ấp A, xã B, huyện T bán cho anh Nguyễn Văn H4 được số tiền 1.500.000 đồng và B đã tiêu xài hết số tiền trên.

Vụ thứ hai: Khoảng 12 giờ ngày 24/4/2019, B đem theo 01 mỏ lết đi bộ trên các tuyến đường ở ấp A, xã B, huyện T để tìm tài sản trộm cắp thì phát hiện nhà bà Nguyễn Thị H khóa cửa và không có người ở nhà. B dùng mỏ lết bẻ khóa cửa và đột nhập vào bên trong nhà bà H lấy trộm 01 máy tính xách tay hiệu HP màu đen rồi đem về phòng trọ của B cất giấu. Sau đó B đem máy tính xách tay hiệu HP màu đen lấy trộm được đến cửa hàng máy tính "T" ở ấp T, xã H, huyện T bán cho anh Phạm Văn T2 được số tiền 1.500.000 đồng và B đã tiêu xài hết số tiền trên.

Vụ thứ ba: Vào lúc 04 giờ 50 phút ngày 28/4/2019, B đi bộ ngang qua tiệm áo cưới "ZUNI" ở ấp A, xã B, huyện T thì phát hiện xe mô tô biển số 60B8 – XXXXX của chị Hoàng Phi H1 – Sinh năm 1995, trú tại ấp L, xã H, huyện T đang dựng trước cửa tiệm và trên xe có cắm sẵn chìa khóa nên B nảy sinh ý định lấy trộm xe. B quan sát thấy không có người nên lén lút đi bộ lại gần lấy trộm xe đẩy ra ngoài đường nổ máy xe rồi bỏ chạy về hướng Tp. B. Khi đến khu vực công viên "T" thuộc phường Long B, Tp. B, tỉnh Đồng Nai, B bán xe mô tô biển số 60B8 – XXXXX cho một người đàn ông không rõ nhân thân lai lịch được số tiền 4.000.000 đồng và B đã tiêu xài hết số tiền trên.

Vụ thứ tư: Khoảng 12 giờ ngày 09/5/2019, B đem theo 01 mỏ lết đi bộ đến khu vực nhà trọ của ông Lầm A R ở ấp A, xã B, huyện T để tìm tài sản trộm cắp. B phát hiện tại phòng trọ số 02 của anh Nguyễn Quang H2 – Sinh năm 1983, trú tại xã H, huyện Đ, tỉnh Nghệ An khóa cửa ngoài và không có người ở nhà. B dùng mỏ lết bẻ khóa cửa và đột nhập vào trong phòng trọ lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Samsung A30 và 01 nhẫn vàng 18K trọng lượng 1,1 chỉ. Sau khi lấy trộm được tài sản B đem điện thoại di động hiệu Samsung A30 đến tiệm điện thoại di động "H" ở ấp A, xã B, huyện T bán cho anh Đỗ Văn H5 được số tiền 1.300.000 đồng và đem chiếc nhẫn vàng 18K trọng lượng 1,1 chỉ đến tiệm vàng "K" ở ấp A, xã B, huyện T bán cho bà Đinh Thị Thúy H6 được số tiền 1.800.000 đồng, B đã tiêu xài hết số tiền trên.

Vụ thứ năm: Vào lúc 13 giờ 20 phút ngày 22/5/2019, B đem theo 01 mỏ lết đi bộ đến khu vực nhà trọ của ông Trần Đức Th ở ấp T, xã H, huyện T để tìm tài sản trộm cắp thì phát hiện tại phòng trọ số 01 của anh Phan Văn B – Sinh năm 1985, trú tại phường Long B, Tp. B, tỉnh Đồng Nai khóa cửa ngoài và không có người ở nhà. B dùng mỏ lết bẻ khóa cửa và đột nhập vào trong phòng trọ lấy trộm 01 ti vi hiệu Sony 43 Inch, 01 máy tính xách tay hiệu Vaio và 01 điện thoại di động hiệu Nokia 230. B lấy 01 thùng giấy đựng ti vi có sẵn trong phòng trọ bỏ tài sản trộm cắp được vào bên trong rồi gọi điện thoại cho Huỳnh Mạnh S nói cho S biết vừa lấy trộm được tài sản và nhờ S đến chở B về phòng trọ thì S đồng ý. S điều khiển xe mô tô biển số 34K3 – XXXX đến chở B cùng số tài sản trộm cắp được về phòng trọ của B. Sau đó, B đưa máy tính xách tay hiệu Vaio cho S mang đến cửa hàng máy tính "T" ở ấp T, xã H, huyện T bán cho anh Phạm Văn T2 được số tiền 1.200.000 đồng, S đưa lại cho B số tiền

600.000 đồng và B chia lại cho S 300.000 đồng, số tiền 600.000 đồng còn lại S giữ. Đối với 01 ti vi hiệu Sony 43 Inch B để lại phòng trọ sử dụng còn 01 điện thoại di động hiệu Nokia 230 B cho S sử dụng và S đã mang đi đổi cho một người đàn ông không rõ nhân thân lai lịch lấy 01 con gà để ăn. Đến ngày 23/5/2019, Công an xã B kiểm tra hành chính phòng trọ của Nìm Văn B phát hiện 01 ti vi hiệu Sony 43 Inch B lấy trộm của anh Phan Văn B nên đã mời B về làm việc và B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Công an xã Bắc S đã chuyển giao đối tượng Nìm Văn B cùng toàn bộ hồ sơ, vật chứng cho Công an huyện Trảng Bom để thụ lý điều tra theo thẩm quyền.

Tại các Bản kết luận định giá tài sản ngày 30/5/2019 và ngày 05/7/2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thuộc UBND huyện Trảng Bom kết luận:

- 01 máy tính xách tay hiệu HP màu đen đã qua sử dụng B lấy trộm của chị Trần Thị Hoài T1 có trị giá 4.000.000 đồng.

- 01 máy tính xách tay hiệu HP màu đen đã qua sử dụng B lấy trộm của bà Nguyễn Thị H có trị giá 3.000.000 đồng.

- 01 xe mô tô biển số 60B8 – 533.17 B lấy trộm của chị Hoàng Phi H1 có trị giá 14.500.000 đồng.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung A30 và 01 nhẫn vàng 18K trọng lượng 1,1 chỉ đã qua sử dụng B lấy trộm của anh Nguyễn Quang H2 có tổng trị giá 5.540.000 đồng.

- 01 ti vi hiệu Sony 43 Inch, 01 máy tính xách tay hiệu Vaio và 01 điện thoại di động hiệu Nokia 230 đã qua sử dụng B lấy trộm của anh Phan Văn B có tổng trị giá là 11.000.000 đồng.

Ngày 31/5/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bom đã ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nìm Văn B và Huỳnh Mạnh S về tội "Trộm cắp tài sản" để điều tra. Quá trình điều tra các bị can B và S đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

- Vật chứng thu giữ: 02 điện thoại di động hiệu Nokia 0168, 01 ti vi hiệu Sony 43 Inch, 01 máy tính xách tay hiệu Vaio, 01 mỏ lết, 01 xe mô tô biển số 34K3 – 7726, 01 dao bấm, 01 đèn bin, 01 tua vít, 04 bộ bài tây, 01 bóp da màu đen và số tiền 830.000 đồng.

Đối với 02 máy tính xách tay hiệu HP màu đen, 01 điện thoại di động hiệu Samsung A30 và 01 nhẫn vàng 18K trọng lượng 1,1 chỉ, các anh Nguyễn Văn H5, anh Phạm Văn T2, anh Đỗ Văn H5 và bà Đinh Thị Thúy H6 sau khi mua của B thì đã bán lại cho người khác. Do không xác định được nhân thân, lai lịch cụ thể nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Đối với xe mô tô biển số 60B8 – XXXXX của chị Hoàng Phi H1 và 01 điện thoại di động hiệu Nokia 230 của anh Phan Văn B, các bị cáo đã bán cho người khác (không xác định được nhân thân lai lịch) nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Ngày 11/7/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Trảng Bom đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại 01 ti vi hiệu Sony 43 Inch, 01 máy tính xách tay hiệu Vaio cho anh Phan Văn B. Anh B đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm

Xe mô tô biển số 34K3 – 7726 là tài sản của ông Huỳnh L, việc Huỳnh Mạnh S sử dụng xe vào việc phạm tội ông L không biết nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho ông Lâm. Ngày 30/6/2019, Huỳnh Mạnh S đã tự nguyện bồi thường cho anh Phan Văn B số tiền 300.000 đồng là trị giá điện thoại di động hiệu Nokia 230. Anh B đã nhận số tiền trên và không có yêu cầu gì thêm.

Tại bản Cáo trạng số: 165/CT/VKS-HS ngày 14/8/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom đã truy tố các bị cáo Nìm Văn B và Huỳnh Mạnh S về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom giữ nguyên quan điểm truy tố cũng như phân tích về hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nìm Văn B và Huỳnh Mạnh S phạm tội "Trộm cắp tài sản". Căn cứ vào khoản 1 điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nìm Văn B 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Căn cứ vào khoản 1 điều 173, các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Huỳnh Mạnh S từ 06 đến 12 tháng tù.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị Tòa tuyên buộc bị cáo Nìm Văn B phải bồi thường cho chị Trần Thị Hoài T1 trị giá 01 máy tính xách tay hiệu HP màu đen số với số tiền 4.000.000 đồng; bồi thường cho bà Nguyễn Thị H trị giá 01 máy tính xách tay hiệu HP màu đen số tiền 3.000.000 đồng; bồi thường cho chị Hoàng Phi H1 trị giá xe mô tô biển số 60B8 – XXXXX số tiền 14.500.000 đồng; bồi thường cho anh Nguyễn Quang H2 01 điện thoại di động hiệu Samsung A30 và 01 nhẫn vàng 18K trọng lượng 1,1 chỉ với số tiền 5.540.000 đồng. Đối với số tiền 830.000 đồng thu giữ của bị cáo Nìm Văn B đề nghị tòa tuyên tạm giữ để đảm bảo bồi thường cho bị hại.

Về vật chứng: Đối với 01 mỏ lết, 01 dao bấm, 01 đèn bin, 01 tua vít, 04 bộ bài tây, 01 bóp da màu đen là công cụ Nìm Văn B sử dụng vào việc phạm tội không còn giá trị sử dụng, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 0168 nên cần tịch S sử dụng làm phương tiện phạm tội nhưng hội đồng xác định không có giá trị nên đề nghị tòa tuyên tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia 0168 mà Nìm Văn B và Huỳnh Mạnh S sử dụng làm phương tiện phạm tội đề nghị tòa tuyên tịch thu sung công.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Qua đó, đã có đủ căn cứ để kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 03 đến tháng 05 năm 2019, Nìm Văn B cùng đồng bọn đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác để bán lấy tiền tiêu xài, cụ thể:

+Vụ thứ nhất: Vào khoảng 01 giờ ngày 23/3/2019, tại phòng trọ của của chị Trần Thị Hoài T1 ở ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai, Nìm Văn B đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 máy tính xách tay hiệu HP màu đen đã qua sử dụng có trị giá 4.000.000 đồng của chị T1.

+Vụ thứ hai: Khoảng 12 giờ ngày 24/4/2019, tại nhà bà Nguyễn Thị H ở ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai, Nìm Văn B đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 máy tính xách tay hiệu HP màu đen đã qua sử dụng có trị giá 3.000.000 đồng của bà H.

+Vụ thứ ba: Vào lúc 04 giờ 50 phút ngày 28/4/2019, tại tiệm áo cưới "ZUNI" ở ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai, Nìm Văn B đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 xe mô tô biển số 60B8 – XXXXX đã qua sử dụng có trị giá 14.500.000 đồng của chị Hoàng Phi H1.

+Vụ thứ tư: Khoảng 12 giờ ngày 09/5/2019, tại phòng trọ của anh Nguyễn Quang H2 ở ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai, Nìm Văn B đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 điện thoại di động hiệu Samsung A30 và 01 nhẫn vàng 18K trọng lượng 1,1 chỉ có tổng trị giá 5.540.000 đồng của anh H2.

+ Vụ thứ năm: Vào lúc 13 giờ 20 phút ngày 22/5/2019, tại phòng trọ của anh Phan Văn B ở ấp T, xã H, huyện Y, tỉnh Đồng Nai, Nìm Văn B và Huỳnh Mạnh S đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 ti vi hiệu Sony 43 Inch, 01 máy tính xách tay hiệu Vaio và 01 điện thoại di động hiệu Nokia 230 của anh Phan Văn B có tổng trị giá là 11.000.000 đồng.

Như vậy, tổng trị giá tài sản mà Nìm Văn B đã chiếm đoạt của chị Trần Thị Hoài T1, bà Nguyễn Thị H, chị Hoàng Phi H1, anh Nguyễn Quang H2 và anh Phan Văn B là 38.040.000 đồng. Tổng trị giá tài sản mà Huỳnh Mạnh S đã chiếm đoạt của anh Phan Văn B là 11.000.000 đồng.

Hành vi nêu trên của Nìm Văn B và Huỳnh Mạnh S đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo thì thấy: Trong lần thứ năm các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội nhưng ở mức đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo S thực hiện với vai trò giúp sức, do đó cần có mức hình phạt cho bị cáo S thấp hơn bị cáo B.

[2] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nìm Văn B có 02 tình tiết tăng nặng quy định tại các điểm g, h khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo Huỳnh Mạnh S không có tình tiết tăng nặng. Tuy bị cáo B thực hiện liên tiếp 05 lần trở lên về cùng một tội phạm trong 01 khoảng thời gian ngắn, tuy nhiên qua lời khai của vợ bị cáo là chị Lê Thị Hồng L (bút lục 246) và lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa thì bị cáo không lấy các lần phạm tội làm

nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính nên không có căn cứ áp dụng tình tiết tặng nặng "Phạm tội có tính chuyên nghiệp" đối với bị cáo trong vụ án này.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo S là người có nhân thân tốt vì chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự cần được áp dụng cho bị cáo S, bị cáo B thành khẩn khai báo nên được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về dân sự:

+ Bị cáo Huỳnh Mạnh S đã bồi thường cho anh Phan Văn B trị giá chiếc điện thoại 300.000 đồng, anh B đã nhận tiền và nhận lại tài sản nên không có yêu cầu gì thêm nên hội đồng xét xử không xem xét.

+ Do tài sản bị cáo B chiếm đoạt không thu hồi được nên tại phiên tòa những người bị hại yêu cầu bị cáo Nìm Văn B phải bồi thường trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt theo kết quả định giá của Hội đồng định giá. Tại phiên tòa bị cáo B đồng ý bồi thường cho chị Trần Thị Hoài T1 trị giá 01 máy tính xách tay hiệu HP màu đen số với số tiền 4.000.000 đồng; bồi thường cho bà Nguyễn Thị H trị giá 01 máy tính xách tay hiệu HP màu đen số tiền 3.000.000 đồng; bồi thường cho chị Hoàng Phi H1 trị giá xe mô tô biển số 60B8 – XXXXX số tiền 14.500.000 đồng, bồi thường cho anh Nguyễn Quang H2 01 điện thoại di động hiệu Samsung A30 và 01 nhẫn vàng 18K trọng lượng 1,1 chỉ với số tiền 5.540.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Anh Phan Văn B đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và nhận số tiền 300.000 đồng, do bị cáo S bồi thường trị giá chiếc điện thoại hiệu Nokia 230 nên không có yêu cầu gì về phần dân sự.

[5] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 mỏ lết, 01 dao bấm, 01 đèn bin, 01 tua vít, 04 bộ bài tây, 01 bóp da màu đen là công cụ Nìm Văn B sử dụng vào việc phạm tội không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy. Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Nokia 0168, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 0168 mà Nìm Văn B và Huỳnh Mạnh S sử dụng làm phương tiện phạm tội.

[6] Đối với các anh Phạm Văn T2, Nguyễn Văn H4, Đỗ Văn H5 và bà Đinh Thị Thúy H6 do không biết nguồn gốc tài sản các bị cáo mang đến bán là do phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với đa phần nhận định của Hội đồng xét xử.

[8] Xét tính hợp pháp của các quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thì thấy đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, các điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015;

Tuyên bố bị cáo Nìm Văn B phạm tội "Trộm cắp tài sản". Xử phạt bị cáo Nìm Văn B 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 24/5/2019.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 điều 51, điều 58 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015;

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Mạnh S phạm tội "Trộm cắp tài sản". Xử phạt bị cáo Huỳnh Mạnh S 01 (một) năm tù nhưng cho được hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo S cho UBND xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách người được hưởng chế độ án treo cố ý vi phạm 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo;

2. Về dân sự: Áp dụng Điều 46, điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự 2015;

Buộc bị cáo Nim Văn B phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tài sản cho:

+ Chị Trần Thị Hoài T1 số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng),

+ Bà Nguyễn Thị H số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng),

+ Chị Hoàng Phi H1 số tiền 14.500.000 đồng (Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng);

+ Anh Nguyễn Quang H2 số tiền 5.540.000 (Năm triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng)

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành, nếu bị cáo Nìm Văn B chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Tịch thu số tiền 830.000 đồng (tám trăm ba mươi nghìn đồng) hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom theo biên lai thu tiền số 01599 ngày 16/8/2019 để đảm bảo thi hành án.

3. Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+Tịch thu, tiêu hủy 01 mỏ lết, 01 dao bấm, 01 đèn bin, 01 tua vít, 04 bộ bài tây, 01 bóp da màu đen.

+ Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước 02 điện thoại di động hiệu Nokia 0168. (Vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 16/8/2019)

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nìm Văn B phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.352.000 đồng (Một triệu ba trăm năm mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Buộc bị cáo Huỳnh Mạnh S phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Các bị cáo, bị hại có mặt (chị H, chị H1, anh H2) có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại (anh Phn Văn B, chị T1) người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (ông L, anh T1) vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

6.Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
- VKSND huyện; VKSND tỉnh
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND cấp xã nơi b/c cư trú;
- Sở Tư pháp;
- TAND tỉnh;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Trịnh Thị Quyên